

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/11/2021

*“V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Tr.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị L.

2. Bà Lê Thị O.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái C, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái C, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 16/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái C, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2021/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 68/QĐXXST - HNGĐ, ngày 01/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1990. (vắng mặt).

HKTT, trú tại: xóm TT, xã Dân Tiến, huyện VN tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Trần V H, sinh năm 1989. (vắng mặt).

HKTT: thôn HC xã TC, huyện Khoái C tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3 Cháu Trần B C, sinh ngày 22/8/2015.

Người giám hộ cho cháu C là chị Lê Thị N và anh Trần V H là bố, mẹ đẻ của cháu.

Chị Lê Thị N và cháu Trần B C trú tại: xóm TT xã DT huyện VN tỉnh Thái Nguyên.

Anh Trần V H, hộ khẩu thường trú tại thôn HC xã TC huyện Khoái C tỉnh Hưng Yên.

4. Người làm chứng:

1.4 Ông Lê Q H, sinh năm 1964 (vắng mặt).

HKTT, trú tại: xóm TT xã DT huyện VN tỉnh Thái Nguyên.

2.4 Ông Trần Anh M, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn KC, xã TC, huyện Khoái C tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần V H, sinh năm 1989, quê quán tại thôn HC xã TC huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh, chị đã được UBND xã TC đăng ký kết hôn ngày 19/12/2011. Do sơ xuất nên chị đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn, chị đã xin Trích lục kết hôn và giao nộp cho Tòa án.

Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu về chung sống cùng với anh H tại thôn HC, xã TC, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, mặc dù vợ chồng không đánh cãi chửi nhau nhưng cuộc sống luôn áp lực. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, anh H mãi chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, chị cũng đã nhiều lần động viên nhưng anh H không thay đổi. Do cuộc sống không tình cảm và luôn căng thẳng nên vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay, cả hai không tìm gặp, không quan tâm chăm sóc nhau và đều không có nguyện vọng đoàn tụ. Năm 2020, anh H vi phạm pháp luật nên đang phải chấp hành án tại đội 29 K1, Trại giam Nam Hà, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ nên chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có một con chung tên là Trần B C, sinh ngày 22/08/2015, hiện cháu đang ở với chị Ngát, chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu anh H phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp chung với hai bên gia đình, về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Không liên quan, chị không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 19/7/2021, bị đơn anh Trần V H trình bày: Anh kết hôn cùng chị Lê Thị N, có đăng ký tại UBND xã TC trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Trong quá trình chung sống, sau khi sinh cháu Trần B C vào ngày 22/8/2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm lối sống, đến năm 2018 vợ chồng ly thân. Năm 2020, do vi phạm pháp luật nên hiện anh đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà. Nay chị Ngát xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh, chị có một con chung là cháu Trần B C, sinh ngày 22/08/2015, hiện cháu đang ở với chị Ngát, anh nhất trí khi chấp hành án xong, có thu nhập anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, về công sức đóng góp chung với hai bên gia đình và về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Vợ chồng anh không có gì liên quan, anh không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/10/2021, người làm chứng, ông Trần Anh M trình bày: Ông là bố đẻ của anh Trần V H. Năm 2011, gia đình ông tổ chức cho anh H xây dựng gia đình cùng chị Ngát, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện Khoái Châu

Sau khi kết hôn, chị Ngát chuyển về sinh sống cùng anh H và gia đình ông tại thôn HC xã Tân Châu, được một thời gian anh, chị chuyển lên làm ăn ở nhà bố mẹ chị Ngát ở xã DT huyện Võ Nhai, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2018 vợ chồng anh, chị sống ly thân, cả hai không còn quan tâm đến nhau, gia đình cũng đã động viên hòa giải nhưng không có kết quả. Đến năm 2020, do vi phạm pháp luật nên anh H phải đi chấp hành án tại Trại giam Nam Hà. Nay chị Ngát xin ly hôn với anh H, mặc dù không mong muốn nhưng cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Ngát và anh H. Anh chị có một con chung là cháu Trần B C, sinh ngày 22/08/2015, hiện cháu đang ở với chị Ngát.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp của vợ chồng anh H, ông không nắm rõ. Quá trình chung sống vợ chồng anh H không có đóng góp gì với gia đình ông.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2021, người làm chứng, ông Lê Q H trình bày: Ông là bố đẻ của chị Lê Thị N. Năm 2011, gia đình ông tổ chức cho chị Ngát kết hôn cùng anh Trần V H, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân C, huyện Khoái C.

Sau khi kết hôn, chị Ngát chuyển khẩu và về chung sống cùng anh H tại thôn HC xã T C. Quá trình chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, năm 2018 chị Ngát bỏ về nhà ông sinh sống, vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay, anh H có tìm gặp nhưng cũng chỉ để thăm con, gia đình động viên chị Ngát quay về đoàn tụ cùng anh H, nhưng không có kết quả. Nay chị Ngát xin ly hôn với anh H, gia đình không mong muốn mà tùy anh, chị quyết định. Anh chị có một con chung là cháu Trần B C, sinh ngày 22/08/2015, hiện cháu đang ở với chị Ngát.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp của vợ chồng anh H, ông không nắm rõ. Quá trình chung sống vợ chồng chị Ngát không có đóng góp gì với gia đình ông.

Qua xác minh tại UBND xã TC ngày 20/10/2021 xác định: Anh Trần V H và chị Lê Thị N xây dựng gia đình trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh, chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã TC ngày 19/12/2021. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân, năm 2020 anh H do vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án tại Trại giam Nam Hà. Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu Trần B C, sinh năm 2015. Ngoài ra, chính quyền địa phương còn đưa ra quan điểm về các vấn đề liên quan. Việc chị Ngát xin được ly hôn với anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do ở xa, tình hình dịch bệnh phức tạp nên chị Ngát đề nghị và có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái C, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Trần B C, sinh ngày 22/08/2015 cho chị Ngát tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn, anh H được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị Ngát, anh H đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị Ngát phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 27/9/2021, chị Lê Thị N có đơn khởi kiện anh Trần V H, xin được ly hôn và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan. Anh Trần V H hiện đang cải tạo tại đội 29 K1, Trại giam Nam Hà, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam nhưng có hộ khẩu thường trú tại thôn HC xã Tân C, huyện Khoái C, tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt do đang phải chấp hành án. Vì vậy, căn cứ điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị N và anh Trần V H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã được UBND xã Tân C, huyện Khoái C, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2011, do đó đã xác lập quan hệ

vợ chồng hợp pháp. Cả hai đều khẳng định, quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, lối sống dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018, đến năm 2020 do vi phạm pháp luật, anh H phải đi cải tạo tại Trại giam Nam Hà, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị Ngát xin được ly hôn, anh H khẳng định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ, vì vậy anh cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống, hạnh phúc gia đình của anh, chị đang ở trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho chị Ngát được ly hôn với anh H để cả hai sớm tạo lập cuộc sống mới.

3. *Về nuôi con chung*: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Trần B C, sinh ngày 22/08/2015. Quá trình giải quyết, chị Ngát xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C, anh H không thể hiện quan điểm nhưng cũng nhất trí đóng góp nuôi con chung khi nào anh có điều kiện. Xét thấy từ nhỏ cháu C thường xuyên sinh sống cùng chị Ngát, cuộc sống ổn định và đảm bảo, mặt khác cháu là con gái, còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nên cần giao cháu C cho chị Ngát tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Do chị Ngát không yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh H có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung; công nợ chung; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Cả chị Ngát, anh H đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Trần V H.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Trần B C, sinh ngày 22/08/2015 cho chị Lê Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Anh Trần V H có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0007501, ngày 01/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái C. Chị Ngát đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái C;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân C.
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Tr